



Bài báo nghiên cứu

THÁI ĐỘ VÀ KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y – DƯỢC ĐÀ NẴNG KHI HỌC TRỰC TUYẾN

Phạm Đặng Trâm Anh

Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phạm Đặng Trâm Anh – Email: anhpham@dhktyduocdn.edu.vn

Ngày nhận bài: 23-4-2023; ngày nhận bài sửa: 08-6-2023; ngày duyệt đăng: 20-6-2023

TÓM TẮT

Cũng như nhiều nước khác, các cơ sở giáo dục tại Việt Nam đã buộc phải chuyển từ hình thức học trực tiếp sang hình thức trực tuyến khi đại dịch Covid-19 diễn ra. Mục tiêu của nghiên cứu này là điều tra thái độ của sinh viên (SV) khi học trực tuyến cũng như tìm hiểu những khó khăn mà họ phải đối mặt khi học trực tuyến. Nghiên cứu sử dụng thiết kế định lượng, dựa trên bảng câu hỏi điều tra trực tuyến qua Google Form để thu thập số liệu từ 631 SV Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng (ĐHKTYDDN), Việt Nam. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu thu được. Kết quả cho thấy SV đánh giá hình thức học trực tuyến hữu ích và tiết kiệm được thời gian. Tuy nhiên, kết quả cũng tiết lộ những khó khăn mà SV phải đối mặt, như mạng internet không ổn định, phần mềm học trực tuyến chậm, thiếu kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông, SV bị xao nhãng do môi trường học. Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu đưa ra những khuyến nghị về việc học trực tuyến.

Từ khóa: khó khăn khi học trực tuyến; học trực tuyến; thái độ của sinh viên

1. Đặt vấn đề

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến gần như toàn bộ thế giới, nhiều quốc gia đã đóng cửa biên giới và hạn chế hoặc chấm dứt hoàn toàn người nhập cư (McCorkle, 2020). Đại dịch đã có ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế, đời sống xã hội cũng như cơ sở giáo dục và dịch vụ trên khắp thế giới (Farooq, Rathore, & Mansoor, 2020; Niemi & Kousa, 2020; Paudel, 2021). Nhiều cơ sở giáo dục nhanh chóng chuyển từ hình thức học trực tiếp sang trực tuyến nhằm cố gắng ngăn chặn sự lây lan của virus corona. Do sự thay đổi đột ngột này mà nhiều nhà quản lý cũng như giáo viên đã bắt đầu triển khai điều tra ý kiến, các phương tiện hỗ trợ cũng như nguồn lực để chuyển giao từ hình thức dạy học trực tiếp sang trực tuyến.

Cite this article as: Phạm Đặng Trâm Anh (2023). Students' perspectives and challenges of online learning at Da Nang University of Medical Technology and Pharmacy. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(6), 1066-1077.

Những nghiên cứu được thực hiện trong 3 năm gần đây đã cho thấy nhiều ảnh hưởng và khó khăn khác nhau đối với việc học trực tuyến (Farooq, Rathore, & Mansoor, 2020; Koi-Akrofi, Owusu-Oware, & Tanye, 2020). Để nâng cao chất lượng học trực tuyến, các nhà nghiên cứu đã điều tra những trở ngại và khó khăn mà SV phải đối mặt trong quá trình học trực tuyến. Ví dụ, Farooq và cộng sự (2020) đã tiến hành một nghiên cứu ở Pakistan và nhận ra những khó khăn mà các SV y khoa đã đối mặt trong đại dịch, liên quan đến tính năng động của việc học trực tuyến, sự kết nối internet, sự tham gia của người học, công cụ và cách thức đánh giá, cũng như thiếu sự đào tạo cho đội ngũ giáo viên và sự hỗ trợ từ nhà trường. Rababah (2020) đã thực hiện một nghiên cứu đối với SV học tiếng Anh của Trường Đại học Jadara ở Jordan. Nghiên cứu chỉ bao gồm 12 SV và chỉ ra những khó khăn mà họ phải đối mặt; 3 trong số 12 SV cho thấy họ lo lắng về hiệu quả dạy học, thiếu sự tiếp cận và phương pháp giảng dạy không nhất quán của giáo viên. Ngoài ra, nghiên cứu của Almaiah, Al-Khasawneh, & Althunibat (2020) chỉ ra rằng những khó khăn này khác nhau giữa các nước do sự khác biệt về văn hóa, bối cảnh và tính sẵn sàng thích ứng.

Ở Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam cũng đã tìm hiểu các thái độ và rào cản khác nhau khi học trực tuyến. Đặng Thị Thúy Hiền và cộng sự (2020) đã thực hiện khảo sát trên 250 SV Khoa Du lịch, Đại học Huế và đưa ra 4 nhóm rào cản chính trong học trực tuyến, bao gồm rào cản về: kinh tế, tương tác, tâm lý và môi trường. Qua phân tích 4 yếu tố, các nhà nghiên cứu nhận thấy rào cản tương tác và môi trường là hai rào cản lớn nhất. Hầu hết những người được hỏi đều nhận xét rằng họ muốn quay trở lại giảng đường ngay khi đại dịch Covid-19 kết thúc (Dang et al., 2020). Họ cũng nói rằng các giáo viên nên cung cấp các bài giảng thú vị và hấp dẫn hơn trong trường hợp họ tiếp tục học trực tuyến trong tương lai.

Nhìn chung, các nghiên cứu trước đã cho thấy các kết quả khác nhau về thái độ và khó khăn mà SV phải đối mặt liên quan đến hiệu quả của dạy học trực tuyến. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phát hiện và bổ sung kết quả vào những nghiên cứu hiện tại thông qua việc tìm hiểu thái độ của SV Trường ĐHKTYĐĐN đối với việc dạy học trực tuyến trong đại dịch Covid-19 và những khó khăn họ phải đối mặt. Nghiên cứu này có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về những khó khăn mà những nước đang phát triển đang đối mặt. Nghiên cứu này sẽ giúp các nhà quản lý, các bên liên quan đánh giá và nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến trong tình hình mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm tìm câu trả lời cho hai vấn đề sau:

1. Thái độ của SV Trường ĐHKTYĐĐN về việc học trực tuyến.
2. Những khó khăn mà SV Trường ĐHKTYĐĐN phải đối mặt khi học trực tuyến.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng thiết kế nghiên cứu định lượng dựa trên bảng câu hỏi điều tra khảo sát để tìm hiểu thái độ và những khó khăn mà SV Trường ĐHKTYĐĐN phải đối mặt khi tham gia học trực tuyến trong thời gian đại dịch Covid-19.

Bảng câu hỏi gồm 3 phần:

- Phần 1: Thông tin chung (3 câu hỏi)
- Phần 2: Thái độ của SV về việc học trực tuyến (8 câu hỏi)
- Phần 3: Những khó khăn mà SV đối mặt trong quá trình học trực tuyến (17 câu hỏi)

Bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ (1 = hoàn toàn không đồng ý, 2=không đồng ý, 3 = không biết, 4 = đồng ý và 5 = hoàn toàn đồng ý). Sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng đạo đức nghiên cứu của Trường ĐHKTYĐĐN và sự đồng ý của đối tượng nghiên cứu, nhóm tiến hành thu thập số liệu sử dụng bảng câu hỏi điều tra trực tuyến trên Google Form. Các SV đã tham gia các lớp học trực tuyến tại Trường ĐHKTYĐĐN được mời tham gia điền bảng câu hỏi.

Bảng 1 dưới đây là thông tin chung của đối tượng nghiên cứu:

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (N = 631)

Thông tin		P (%)	F
1. Giới tính	Nam	16	101
	Nữ	84	530
2. Thời gian đã học trực tuyến	2 học kì	84	530
	3 học kì	11,4	72
	Hơn 3 học kì	4,6	29
3. Phần mềm học trực tuyến (hơn 1 lựa chọn)	Zoom Meeting	80	505
	Microsoft Teams	11,3	71
	Google Meet	83,2	525
	Skype	2,7	17
	Google Handout	2,4	15
	Khác	1,8	9

Tổng cộng có 631 SV tham gia điền bảng câu hỏi (84% là nữ và 16% là nam). Trong tổng số 631 SV có 505 SV đã tham gia học trực tuyến trong 2 học kì, 72 SV học 3 học kì và 29 SV học hơn 3 học kì. Các phần mềm học trực tuyến cũng khác nhau, đa số SV học qua Zoom Meeting (80%) và Google Meet (83,2%), số còn lại học qua Microsoft Teams, Skype, Google Handout và một số kênh khác.

Để thu thập số liệu cho nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã thiết kế bảng câu hỏi dựa trên các tài liệu sẵn có về thái độ và những khó khăn mà SV đối mặt trong khi học trực tuyến (Aboagye, Yawson, & Appiah, 2020; Adnan & Anwar, 2020; Owusu-Fordjour, Koomson, & Hanson, 2020) để điều tra quan điểm của SV Trường ĐHKTYĐĐN.

Trước khi tiến hành thu thập số liệu, để đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy, nhóm nghiên cứu tiến hành thí điểm điền bảng câu hỏi cho 50 đối tượng tham gia (41 nam và 9 nữ). Sau

thử nghiệm thí điểm, nhóm nghiên cứu đã loại bỏ 2 câu hỏi không rõ nghĩa và thay thế 2 câu hỏi mới. Hệ số Cronbach's alpha cũng được tính để xác định tính nhất quán và độ tin cậy của bảng câu hỏi. Kết quả tính hệ số Cronbach's alpha là: 0,89 cho các câu hỏi về nhận thức, thái độ của SV và 0,94 cho những câu hỏi về khó khăn mà SV đối mặt. Các kết quả này cho thấy công cụ nghiên cứu có giá trị và tin cậy.

Sau khi gửi bảng câu hỏi 15 ngày, nhóm nghiên cứu thu được 631 phiếu trả lời, trong đó có 530 SV nữ trả lời, chiếm 84% và 101 SV nam điền phiếu câu hỏi, chiếm 16%. Số lượng phiếu thu được đủ để đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu, bởi vì số lượng vượt hơn số mẫu cần thiết theo cách tính cỡ mẫu của Raosoft, với độ tin cậy là 95% và 5% sai số.

Các câu trả lời được chia thành các cụm để phân tích, bao gồm: phần thông tin chung (câu 1 – 3) như đã trình bày trong Bảng 1 ở trên và 2 cụm tách riêng để phân tích 2 câu hỏi nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để phân tích số liệu thu được nhằm cung cấp các thống kê mô tả, như: điểm trung bình, tần suất và phần trăm.

Kết quả được tóm tắt và thảo luận theo từng câu hỏi cụ thể ở phần Kết quả và bàn luận bên dưới.

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Để thực hiện dự án nghiên cứu này tại Trường ĐHKTYĐĐN, nhóm nghiên cứu đã cung cấp cho SV các thông tin chi tiết về người nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, tính tự nguyện và giải đáp mọi thắc mắc của SV về các thông tin cần thiết khác. Sau khi đã hiểu rõ mọi thông tin liên quan đến dự án nghiên cứu, SV đồng ý kí vào bản cam kết tham gia nghiên cứu. Người nghiên cứu cũng nhấn mạnh việc tham gia là hoàn toàn tự nguyện và nếu SV quyết định không muốn tham gia thì sẽ không có hậu quả tiêu cực nào. Người nghiên cứu cũng xác nhận không có tên hoặc bất kì thông tin nào về SV tham gia sẽ được tiết lộ và số liệu thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

2.4. Kết quả và bàn luận

2.4.1. Thái độ của SV Trường ĐHKTYĐĐN về việc học trực tuyến

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu đầu tiên về thái độ của SV Trường ĐHKTYĐĐN đối với việc học trực tuyến gồm 8 câu hỏi, nhóm nghiên cứu đã tính tần suất, phần trăm và điểm trung bình cho mỗi nhận định. Để thuận tiện cho việc trình bày kết quả, nhóm nghiên cứu cộng gộp chung kết quả của mức 1 và mức 2 thành không đồng ý, mức 4 và mức 5 thành đồng ý, kết quả cụ thể cho từng mức độ được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2 cho thấy hầu hết SV không có thái độ tích cực đối với việc học trực tuyến. Có 75,7% SV trả lời học trực tuyến không hiệu quả bằng học trực tiếp với điểm trung bình thấp nhất là $m = 2,27$. Thêm vào đó, 71,7% SV không thích học trực tuyến ($m = 2,34$). Kết quả này tương tự với kết quả nghiên cứu của Amir và cộng sự (2020), nghiên cứu của Amir cho thấy SV ít thích học trực tuyến hơn so với các lớp học truyền thống. Tương tự như vậy, trong báo cáo nghiên cứu của Xhelili và cộng sự (2021), SV có thái độ tiêu cực đối với môi trường học trực tuyến.

Bảng 2. Thái độ của SV trường ĐHKTYĐĐN về việc học trực tuyến (N = 631)

Nhận định*	(1)*		(2)*		(3)*		(4)*		(5)*		M*
	P*	F*	P	F	P	F	P	F	P	F	
	(%)		(%)		(%)		(%)		(%)		
(1)	9,5	60	66,2	418	12,4	78	11,6	73	0,3	2	2,27
(2)	9,1	57	62,6	395	14,4	91	13,3	84	0,6	4	2,34
(3)	4,4	28	40,9	258	16,6	105	36,5	230	1,6	10	2,90
(4)	4,1	26	27,3	172	12,4	78	53,4	337	2,8	18	3,24
(5)	4,4	28	45,6	288	15,4	97	32,8	207	1,8	11	2,82
(6)	5	32	16,8	106	14,5	91	59,6	376	4,1	26	3,41
(7)	6,8	43	54,7	345	22,2	140	15,4	97	0,9	6	2,49
(8)	5,4	34	38,2	241	31,9	201	23,8	150	0,7	5	2,76
Trung bình cụm											2,78

(*) Nhận định

- (1) Học trực tuyến hiệu quả hơn học trực tiếp.
- (2) Tôi thích học trực tuyến hơn học trực tiếp.
- (3) Học trực tuyến giúp tôi khai thác tài liệu học tập hiệu quả.
- (4) Học trực tuyến giúp tôi giao tiếp không bị áp lực.
- (5) Học trực tuyến giúp tôi dễ dàng hoàn thành bài tập nhóm hơn.
- (6) Học trực tuyến tiết kiệm thời gian cho SV.
- (7) Học trực tuyến nâng cao việc tiếp thu kiến thức.
- (8) Học trực tuyến là một mô hình dạy học hiệu quả.

(*) (1): HTKĐY = hoàn toàn không đồng ý; (2): KĐY = không đồng ý; (3): KB = không biết; (4): ĐY = đồng ý; (5): HTĐY = hoàn toàn đồng ý

(*) M (mean) = điểm trung bình; P (percentage) = phần trăm; F (frequency) = tần suất

Đối với nhận định “Học trực tuyến giúp tôi khai thác tài liệu học tập hiệu quả”, có 45,3% trả lời không đồng ý với nhận định này trong khi đó 38,1% trả lời đồng ý (m = 2,90). Điều này có thể do hiệu quả của việc học trực tuyến còn tùy thuộc một phần vào tính tự chủ và tự giác của người học. Hơn một nửa số SV (56,2%) trả lời học trực tuyến giúp việc giao tiếp của họ không bị áp lực (m = 3,24). Nhận định này chứng thực nghiên cứu của Nguyễn and Phạm (2021), trong đó cho thấy người học thích sự thoải mái và ít lo lắng trong môi trường giao tiếp trực tuyến cùng thời điểm. Cũng trong một số nghiên cứu khác, tác giả nhận định về lợi ích của thảo luận trực tuyến là người học không lo lắng về cách phát âm, và như vậy sẽ dành năng lượng tri nhận cho các khía cạnh khác của cuộc giao tiếp. Các kết quả này phù hợp với những phát hiện trong nghiên cứu của Adnan & Anwar (2020), họ phát hiện có 77% SV cảm thấy thoải mái khi giao tiếp trực tuyến.

Tuy nhiên, chỉ có 34,6% trả lời học trực tuyến giúp SV hoàn thành bài tập dễ dàng ($m=2,82$). Điều này có thể là do không có sự hiện diện trực tiếp khi học trực tuyến, trong khi đó ở lớp học trực tiếp sẽ có nhiều cơ hội hơn cho người học tương tác với nhau và giúp hình thành các kết nối xã hội. Thêm vào đó, một số SV gặp khó khăn khi liên lạc với nhau để thảo luận về bài tập nhóm do thời gian biểu và địa điểm khác nhau. Ngoài ra, giao tiếp trực tuyến không có ngôn ngữ cơ thể hay biểu lộ trên nét mặt nên bạn học khó hiểu nhau trong một số tình huống. Kết quả này tương tự phát hiện của Adnan & Anwar (2020), nghiên cứu của họ cho thấy 45% SV không hoàn thành bài tập nhóm dễ dàng.

Theo Bảng 2, có 63,7% SV đồng ý với nhận định “Học trực tuyến tiết kiệm thời gian” với điểm trung bình cao nhất $m = 3,16$. Điều này có thể là do người học muốn học ở nhà hơn để tránh bị nhiễm Covid-19 do thời gian học trực tuyến diễn ra trong thời gian đại dịch Covid-19. Việc học trực tuyến cũng giúp họ tiết kiệm thời gian do không phải đi đến trường, sử dụng phương tiện giao thông hay lãng phí thời gian vào các giao tiếp xã hội. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đó của Amir và cộng sự (2020), trong đó cho thấy 87,9% SV trả lời học trực tuyến giúp họ có nhiều thời gian hơn để học tập.

Trong số những người tham gia, có 61,5% không đồng ý với nhận định “Học trực tuyến nâng cao việc tiếp thu kiến thức” ($m = 2,49$), chỉ có 0,9% trả lời hoàn toàn đồng ý với nhận định này. Điều này gợi ý cho các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu nên tìm hiểu lý do đằng sau phát hiện này, đồng thời nên nhấn mạnh và bồi dưỡng kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng tự điều chỉnh để việc học trực tuyến được thành công.

Đối với nhận định cuối cùng, có 24,5% SV cho rằng việc học trực tuyến ở Trường ĐHKTYĐĐN là một mô hình học hữu ích, 43,6% không đồng ý với nhận định này và 31,9% trả lời không biết với điểm trung bình là 2,76.

Nhìn chung, SV có thái độ không lạc quan về việc học trực tuyến với điểm trung bình cụm là 2,78. Tại Trường ĐHKTYĐĐN, hạ tầng công nghệ chưa được phát triển mạnh với đầy đủ các thiết bị cũng như chưa trang bị kỹ năng cần thiết cho giảng viên và SV để tiến hành các hoạt động dạy học trực tuyến hiệu quả.

2.4.2. Những khó khăn mà SV Trường ĐHKTYĐĐN phải đối mặt khi học trực tuyến

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ hai về những khó khăn mà SV phải đối mặt khi học trực tuyến (17 câu hỏi), nhóm nghiên cứu đã tính tần suất, phần trăm và điểm trung bình cho mỗi nhận định và cho cả cụm. Để thuận tiện cho việc trình bày kết quả, nhóm nghiên cứu cộng gộp chung kết quả của mức 1 và mức 2 thành không đồng ý, mức 4 và mức 5 thành đồng ý, kết quả cụ thể cho từng mức độ được trình bày ở Bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Những khó khăn mà SV Trường ĐHKTYĐĐN phải đối mặt khi học trực tuyến

Nhận định*	(1)*		(2)*		(3)*		(4)*		(5)*		M*
	P (%)	F	P (%)	F	P (%)	F	P (%)	F	P (%)	F	
(1)	5,2	33	42	265	30,4	192	21,7	137	0,7	4	2,71
(2)	3,2	20	8,1	51	8,6	54	69,1	436	11	70	3,77
(3)	3,6	23	32,8	207	29,8	188	31,7	200	2,1	13	2,96
(4)	10,5	66	54,4	343	23,3	160	9,1	58	0,7	4	2,35
(5)	10,8	68	44,1	278	27,4	173	15,8	100	1,9	12	2,54
(6)	5,5	35	34,9	220	34,9	220	22,8	144	1,9	12	2,81
(7)	3,6	23	20,6	130	19,3	122	49,3	311	7,2	45	3,36
(8)	4	25	32,3	204	28,7	181	32	202	3	19	2,98
(9)	4,3	27	32,6	206	26,6	168	33,9	214	2,6	16	2,98
(10)	4	25	34,4	217	31,4	198	29	183	1,2	8	2,89
(11)	8,7	55	52	328	25,5	161	13,1	83	0,7	4	2,45
(12)	5,7	36	34,2	216	27,9	176	29,2	184	3	19	2,90
(13)	3,5	22	20	126	18,4	116	52,8	333	5,3	34	3,67
(14)	4,1	26	33,8	213	21,4	135	38	240	2,7	17	3,01
(15)	5,2	33	42,3	267	33,7	212	17,7	112	1,1	7	2,67
(16)	5,9	37	52,3	330	24,6	155	16,2	103	1	6	2,54
(17)	6,3	40	40,4	255	30,4	192	21	132	1,9	12	2,72
Trung bình cụm											2,88

(*) Nhận định

- (1) Học trực tuyến tốn kém hơn dạy học trực tiếp.
- (2) Kết nối internet không ổn định.
- (3) Các kênh/phần mềm cung cấp dịch vụ học trực tuyến có chất lượng thấp.
- (4) Tôi không có phần mềm học trực tuyến tại nhà.
- (5) Các rối loạn tâm thần (stress, lo lắng) của tôi làm ảnh hưởng đến việc học trực tuyến.
- (6) Tôi không có động lực để học trực tuyến.
- (7) Tôi không thể tập trung trong môi trường học trực tuyến và không thể tránh khỏi sự phân tâm
- (8) Kỹ năng quản lý thời gian của tôi kém, ảnh hưởng đến khả năng học trực tuyến.
- (9) Kỹ năng công nghệ thông tin của tôi kém, ảnh hưởng đến việc học trực tuyến.
- (10) Tôi không được hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ.
- (11) Tôi mắc chứng sợ công nghệ, ảnh hưởng đến việc học trực tuyến.
- (12) Sự cô lập với các bạn học ảnh hưởng đến việc học trực tuyến của tôi.
- (13) Học trực tuyến hạn chế sự tương tác giữa giáo viên với SV và giữa SV với SV.
- (14) Sự tương tác và phản hồi của giáo viên không đầy đủ.
- (15) Phương pháp giảng dạy không phù hợp.
- (16) Tài liệu học tập kém chất lượng.
- (17) Phương pháp đánh giá không phù hợp.

(*) (1): HTKĐY = hoàn toàn không đồng ý; (2): KĐY = không đồng ý; (3): KB = không biết; (4): ĐY = đồng ý; (5): HTĐY = hoàn toàn đồng ý

(*) M (mean) = điểm trung bình; P (percentage) = phần trăm; F (frequency) = tần suất

Bảng 3 cho thấy, về vấn đề tài chính, chỉ có 22,4% SV trả lời đồng ý (m=2,71) rằng học trực tuyến tốn kém hơn học trực tiếp, chi phí này có lẽ chỉ cho truy cập mạng internet và một số phần mềm cần thiết để học trực tuyến.

Khó khăn lớn nhất mà SV phải đối mặt là kết nối internet không ổn định, trong đó có 80,1% SV phản hồi có kết nối internet không tin cậy với điểm trung bình cao nhất cụm là 3,77. Điều này chỉ ra cho chúng ta thấy nhiều SV có trải nghiệm khó khăn khi tham gia các lớp học trực tuyến cùng thời điểm, cũng như tải tài liệu học... làm ảnh hưởng đến việc học trực tuyến. Nhiều SV cho biết mạng internet trong nhà họ có dung lượng và tốc độ kém. Nghiên cứu của Farooq và cộng sự (2020), Xhelili và cộng sự (2021) có cùng kết quả với nghiên cứu này. Họ kết luận kết nối internet là một trong những thử thách lớn nhất mà SV họ phải đối mặt. Điều này gợi ý cho Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Trường ĐHKTYDDN nên có hành động thiết thực để tăng độ phủ và băng thông internet tạo thuận lợi cho hoạt động dạy học trực tuyến. Nghiên cứu của Owusu-Fordjour và cộng sự (2020), Xhelili và cộng sự (2021) cũng có cùng kết quả, trong đó chỉ ra việc thiếu truy cập internet và thiếu thiết bị công nghệ là những khó khăn chính khi học trực tuyến.

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy 33,8% SV đồng ý với nhận định “Các phần mềm cung cấp dịch vụ dạy học trực tuyến có chất lượng thấp” với điểm trung bình là 2,96. Trong tất cả các SV tham gia nghiên cứu, chỉ có 9,8% báo cáo họ không có phần mềm học trực tuyến tại nhà. Về vấn đề sức khỏe tâm thần, 17,7% SV báo cáo có vấn đề, với điểm trung bình 2,54. Ở nhận định số 6, chỉ có 24,7% trả lời họ thiếu động lực học tập (m = 2,81). Nghiên cứu của Hartnett (2016) ghi nhận động lực là yếu tố then chốt trong học tập, phát triển, duy trì ý thức cộng đồng cũng như đạt được kết quả mong muốn trong môi trường học tập trực tuyến. Các phát hiện này cho thấy SV không thấy quá khó khăn khi tham gia học trực tuyến. Điều này chỉ ra rằng họ có khả năng tự điều chỉnh việc học để thích ứng với tình hình đại dịch.

56,5% SV trả lời họ gặp khó khăn khi tập trung học trực tuyến với điểm trung bình là 3,36. Phát hiện này tương tự như kết quả nghiên cứu của Amir và cộng sự (2020), Ramachandran & Rodriguez (2020). Họ nghiên cứu cả 2 yếu tố động lực và sự tập trung, kết quả cho thấy có đến 62% SV có vấn đề về động lực và tập trung.

Về kỹ năng quản lý thời gian, có 35% SV báo cáo họ gặp khó khăn về vấn đề này với điểm trung bình là 2,98. Theo Roper (2007), quản lý thời gian là kỹ năng quan trọng nhất để giúp người học thỏa mãn được các yêu cầu của khóa học trực tuyến. Phát hiện này phù hợp với kết quả của Rajab và cộng sự (2020). Tác giả nhận định rằng quản lý thời gian là một trong những thử thách lớn nhất mà SV phải đối mặt khi học trực tuyến.

Ngoài ra, 36,5% SV báo cáo có kỹ năng công nghệ kém ($m = 2,98$), và 30,2% báo cáo họ không được hỗ trợ kỹ thuật ($m = 2,89$). Phát hiện của Owusu-Fordjour và cộng sự (2020), Rababah (2020) cũng cho kết quả tương tự, họ kết luận thiếu kỹ năng công nghệ là một thử thách trong quá trình học trực tuyến. Có 20,1% bị chứng sợ công nghệ, đây là một tình trạng khiến người học lo lắng và không tự tin về khả năng làm việc với máy tính, trong khi 60,7% không xem chứng sợ công nghệ là một thử thách, và 25,5% SV trả lời không biết ($m = 2,45$). Câu trả lời cho nhận định 12 là 32,2% cảm thấy bị cô lập với bạn học. Đáng lưu ý, khó khăn lớn thứ hai được người tham gia nghiên cứu báo cáo khi học trực tuyến là hạn chế tương tác với giáo viên và bạn học với điểm trung bình là 3,67. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu khác ở Việt Nam (Dang et al., 2020; Pham & Dao, 2022; Nguyen et al., 2022). Phát hiện quan trọng này gợi ý cho các nhà giáo dục cần xem xét việc tạo cơ hội tương tác có ý nghĩa và bền vững trong các khóa học trực tuyến, đặc biệt là khi nhiều học sinh đang tham gia nhiều khóa học trực tuyến.

Ngoài ra, 40,7% SV báo cáo tương tác và phản hồi của giáo viên không đầy đủ ($m = 3,01$); 18,8% SV cảm thấy phương pháp giảng dạy không phù hợp ($m = 2,67$); 17,2% phản hồi thiếu tài liệu học tập có chất lượng ($m = 2,54$); và cuối cùng, 22,9% cho rằng phương pháp kiểm tra đánh giá trong quá trình học trực tuyến không phù hợp ($m = 2,72$).

Tóm lại, tổng điểm trung bình cụm 2,88 (xem Bảng 3) phản ánh những khó khăn mà SV Trường ĐHKTYĐĐN phải đối mặt khi học trực tuyến trong đại dịch Covid-19 ở mức vừa phải theo báo cáo của người tham gia nghiên cứu. Khó khăn lớn nhất là kết nối internet không đáng tin cậy, khó khăn tiếp theo là sự tương tác giữa giáo viên và SV cũng như tương tác giữa SV với bạn học. Những phát hiện của nghiên cứu này nêu bật những yếu tố khách quan bên ngoài ảnh hưởng đến việc học trực tuyến của SV là hạ tầng công nghệ, kết nối internet và môi trường học. Kết quả cũng cho thấy những rào cản bên trong mà SV phải đối mặt khi học trực tuyến là sự tương tác giữa giáo viên và SV cũng như tương tác giữa các SV với nhau.

3. Kết luận

Nghiên cứu này điều tra thái độ của SV Trường ĐHKTYĐĐN về việc học trực tuyến và những khó khăn mà SV Trường ĐHKTYĐĐN phải đối mặt khi học trực tuyến. Những phát hiện của nghiên cứu này đã cung cấp những thông tin có giá trị về quan điểm của SV đối với mô hình học trực tuyến tại Trường ĐHKTYĐĐN trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bảng câu hỏi điều tra trên Google Form đã được thiết kế và đã thu được 631 phiếu trả lời để phân tích và tổng hợp sử dụng phần mềm SPSS. Những khó khăn mà SV phải đối mặt khi học trực tuyến, cả những yếu tố bên trong và bên ngoài, ở mức độ vừa phải với điểm trung bình là 2,88 theo thang đo Likert 5 mức độ. Những thử thách được báo cáo liên quan đến khó khăn về tài chính, kết nối internet, dịch vụ cung cấp phần mềm trực tuyến, các phần mềm sẵn có, sức khỏe tâm thần, động lực, sự tập trung, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng công nghệ, hướng dẫn sử dụng công nghệ, chứng sợ công

nghệ, sự cô lập, tương tác với giáo viên – SV, phản hồi của giáo viên, phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp đánh giá. Mặc dù đối mặt với các khó khăn, kết quả được trình bày trong nghiên cứu này cho thấy SV Trường ĐHKTYĐĐN có thể thích ứng được với việc học trực tuyến.

Kết quả của nghiên cứu này cung cấp thêm thông tin cho các nhà quản lý về tính cần thiết của việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, kết nối internet, phần mềm học trực tuyến, cũng như cần sự hỗ trợ đầy đủ về mặt kỹ thuật cho SV khi triển khai dạy học trực tuyến. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng gợi ý cho giáo viên cần sử dụng các chiến lược cụ thể để tạo động lực, tạo tương tác trong SV cũng như nâng cao chất lượng tài liệu học tập.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Tác giả chân thành cảm ơn Quý lãnh đạo và Quý đồng nghiệp Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng đã hỗ trợ nhóm tác giả trong quá trình nghiên cứu và chuẩn bị bản thảo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aboagye, E., Yawson, J., & Appiah, K. (2020). COVID-19 and E-learning: The challenges of students in tertiary institutions. *Social Education Research*, 2(1), 1-8.
- Adnan, M., & Anwar, K. (2020). Online learning amid the COVID-19 pandemic: Students' perspectives. *Online Submission*, 2(1), 45-51.
- Almaiah, M., Al-Khasawneh, A., & Althunibat, A. (2020). Exploring the critical challenges and factors influencing the E-learning system usage during COVID-19 pandemic. *Education and Information Technologies*, 1(6), 1-20.
- Amir, L., Tanti, I., Maharani, D., Wimardhani, Y., Julia, V., Sulijaya, B., et al. (2020). Student perspective of classroom and distance learning method during Covid-19 pandemic in the undergraduate dental study program. *BMC Medical Education*, 20(1), 392.
- Dang, T. T. H., Tran, H. T., Nguyen, T. Q. N., Doan, L. D. H., & Nguyen, T. P. T. (2020). Các yếu tố rào cản trong việc học trực tuyến của sinh viên Khoa Du lịch - Đại học Huế. [Barrier factors in online learning at Faculty of Tourism - Hue University]. *Hue University Journal of Science: Economic and Development issue*, 129(5C), 61-68.
- Farooq, F., Rathore, F. A., & Mansoor, S. N. (2020). Challenges of online medical education in Pakistan during COVID-19 pandemic. *Journal of College of Physicians and Surgeons Pakistan*, 30(6), 67-69.
- Hartnett, M. (2016). The importance of motivation in online learning. In M. Hartnett, *Motivation in online education* (pp.5-32). Springer.

- Koi-Akrofi, G., Owusu-Oware, E., & Tanye, H. (2020). Challenges of distance, blended, and online learning: A literature-based approach. *Intenational Journal on Integrating Technology in Education*, 9(4), 17-39.
- Nguyen, D. H., Nguyen, N. H. H., Tran, T. T. U., Nguyen, H. L. L., & Le, C. L. (2022). Thái độ của sinh viên đối với tính tương tác trong học tập tiếng Anh trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19: nghiên cứu khám phá tại một trường đại học ở Việt Nam [Student's attitudes towards interactivity in English language online learning in the context of the covid-19 pandemic: Exploratory research at a university in Vietnam]. *Vietnam Journal of Education*, 22(16), 60-64.
- Nguyen, L. V., & Pham, A. T. (2021). Using Synchronous Online Discussion to Develop EFL Learners' Productive Skills: A Case Study. *The Journal of Asia TEFL*, 18(1), 179-207.
- Niemi, H. M., & Kousa, P. (2020). A Case Study of Students' and Teachers' Perceptions in a Finnish High School during the COVID Pandemic. *International Journal of Technology in Education and Science (IJTES)*, 4(4), 352-369.
- Owusu-Fordjour, C., Koomson, C., & Hanson, D. (2020). The impact of Covid-19 on learning - The perspective of the Ghanaian student. *European Journal of Education Studies*, 7(3), 88-101.
- Paudel, P. (2021). Online Education: Benefits, Challenges and Strategies During and After COVID-19 in Higher Education. *International Journal on Studies in Education (IJonSE)*, 3(2), 70-85.
- Pham, B.D., & Dao, T. H. (2022). Thái độ của sinh viên Đại học Y Hà Nội về học trực tuyến do dịch Covid-19 năm 2021 [Attitude of Hanoi Medical University students about online learning during the Covid-19 pandemic in 2021]. *Journal of Medical Research - Hanoi Medical University*, 156(8).
- Rababah, L. (2020). ICT obstacles and challenges faced by English language learners during the coronavirus outbreak in Jordan. *International Journal of Linguistics*, 12(3), 28-36.
- Rajab, M., Gazal, A., & Alkattan, K. (2020). Challenges to online medical education during the COVID-19 pandemic. *Cureus*, 12(7).
- Ramachandran, R., & Rodriguez, M. (2020). Student perspectives on remote learning in a large organic chemistry lecture course. *Journal of Chemical Education*, 97(9), 2565-2572.
- Roper, A. (2007). How students develop online learning skills. *Educause Quarterly*, 30(1), 62.
- Xhelili, P., Ibrahim, E., Rruci, E., & Sheme, K. (2021). Adaptation and perception of online learning during COVID-19 pandemic by Albanian university students. *International Journal on Studies in Education (IJonSE)*, 3(2), 103-111.

**STUDENTS' PERSPECTIVES AND CHALLENGES OF ONLINE LEARNING
AT DA NANG UNIVERSITY OF MEDICAL TECHNOLOGY AND PHARMACY**

Pham Dang Tram Anh

Da Nang University of Medical Technology and Pharmacy, Vietnam

Corresponding author: Pham Dang Tram Anh – Email: anhpham@dhktyduocdn.edu.vn

Received: April 23, 2023; Revised: June 08, 2023; Accepted: June 20, 2023

ABSTRACT

Like many other countries, educational institutions in Vietnam have been forced to shift their courses from a face-to-face approach to online classes during the COVID-19 pandemic. The objectives of this study were to investigate students' attitudes and perceptions of online learning as well as to identify challenges of online learning they confronted. The study took a quantitative approach, using an online questionnaire on google forms to collect data from 631 undergraduate students at Danang University of Medical Technology and Pharmacy in Danang, Vietnam. The data were analyzed using descriptive statistics. The results revealed that the participants perceived online learning as being useful and time-saving. However, the study exposed some challenges they faced, such as unreliable internet connections, slow e-learning platforms and services, a lack of information and communication technology skills, and distractions. Based on the findings, some implications for online learning have been put forward.

Keywords: challenges of online learning; online learning; students' attitudes and perceptions